

Tỉnh Bình Định
Huyện Hoài Ân
Xã Ân Đức

TT343/2016/TT - BTC
Ngày 30 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO CÔNG KHAI THỰC HIỆN NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 XÃ ÂN ĐỨC

Ân Đức, ngày 14 tháng 10 năm 2024

Số: 04/BC-UBND

An Đức, ngày 14 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2024

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 6298/QĐ-UBND, ngày 15/12/2023 của UBND huyện Hoài Ân về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 05/02/2024 của UBND xã An Đức về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 05/01/2024 của Hội đồng nhân dân xã An Đức tại kỳ họp thứ 8 Khóa XIII về dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách của địa phương 9 tháng đầu năm 2024,

Ủy ban nhân dân xã báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2024, cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện thu ngân sách 9 tháng đầu năm 2024, trên địa bàn xã:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã là: 4,770 triệu đồng, đạt 87,38% so với dự toán đầu năm và tăng 13,85% so với cùng kỳ năm trước.

(chi tiết theo biểu số 114/CK-NSNN)

Mặc dù ngay từ đầu năm, UBND xã đã chỉ đạo bộ phận tài chính, triển khai các giải pháp thu, chủ động rà soát các nguồn thu, đơn đốc thu nợ đấu thầu quỹ đất công ích. Nhưng kết quả thu trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2024 đạt chỉ ở mức tương đối theo kế hoạch đề ra.

Một số chỉ tiêu thu như: Thu quỹ ĐCI 152,942trđ đạt 58,82%; Thu thuế môn bài 19.5trđ đạt: 97,50%, Thu thuế GTGT 45,67trđ đạt: 91,35%,. Nhiều nhất là thu chuyển nguồn bổ sung có mục tiêu từ năm trước chuyển sang: 201.912.394 đồng, thu đóng góp của nhân dân làm BTXM tuyến đường Hồ Chuối thôn Khoa Trường nên làm cho tình hình thu ngân sách đạt tỷ lệ cao so với

kế hoạch. Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu còn chưa đạt so với kế hoạch đề ra như: Thu phí, lệ phí 14,672trđ đạt 48,91%; Thu lệ phí trước bạ, nhà đất 24,843trđ đạt: 24,84% nên chưa tạo nguồn thu cho ngân sách để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi cân đối dự toán giao đầu năm, làm hạn chế một số nhiệm vụ chi của địa phương.

2. Kết quả thực hiện chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2024,

Tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2024, : 3,475 triệu đồng đạt 63,65% so với kế hoạch đầu năm giao.

(Trong đó: Chi ĐTXD: 259.426 triệu đồng, chi thường xuyên: 3.215 triệu đồng, đạt 58,90%)

(Chi tiết biểu số 115/CK- NSNN)

Nhìn chung đơn vị đã tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán đã được giao, tập trung giải ngân vốn CTMT QG theo số kinh phí được bổ sung mục tiêu từ cấp trên đã phân bổ năm. Nhiệm vụ chi thường xuyên 9 tháng đầu năm 2024 vẫn còn đạt thấp, chủ yếu chi thực hiện tiền lương và các chế độ chính sách cho con người, các nhiệm vụ, một số vốn chương trình mục tiêu còn đang tiến hành nên tốc độ giải ngân còn chậm.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2024 của UBND xã Ân Đức

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)



Trần Hồ Trung

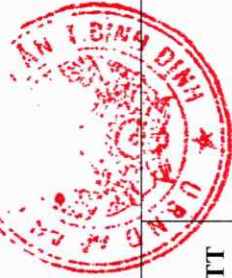
Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT,

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG		DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
			THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
			1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
A	B									
	Tổng số thu ngân sách xã	5.964.000.000	5.460.000.000	5.194.680.282	4.770.928.767	87,10	87,38			
	A/ Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	5.964.000.000	5.460.000.000	5.194.680.282	4.770.928.767	87,10	87,38			
	I/ Các khoản thu 100%	430.000.000	430.000.000	483.676.218	483.383.070	112,48	112,41			
	- Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	14.672.000	14.672.000	48,91	48,91			
	- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang									
	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công	260.000.000	260.000.000	152.942.000	152.942.000	58,82	58,82			
	+ Quỹ đất công ích	260.000.000	260.000.000	152.942.000	152.942.000	58,82	58,82			
	+ Hoa lợi công sản và CDTL									
	- Thu phạt			12.000.000	12.000.000					
	- Đóng góp của nhân dân theo qui định			259.426.000	259.426.000					
	- Thu kết dư ngân sách năm trước									
	- Thu khác	20.000.000	20.000.000							
	II/ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	560.000.000	56.000.000	470.533.064	47.074.697	84,02	84,06			
	- Thuế môn bài	20.000.000	20.000.000	19.500.000	19.500.000	97,50	97,50			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.000.000	6.000.000	13.976.444	1.397.645	23,29	23,29			
	- Thuế giá trị gia tăng	500.000.000	50.000.000	456.556.620	45.677.052	91,31	91,35			
	- Lệ phí trước bạ, nhà đất	100.000.000	100.000.000	25.136.218	24.843.070	25,14	24,84			
	III/ Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	4.974.000.000	4.974.000.000	4.240.471.000	4.240.471.000	85,25	85,25			
	- Thu bổ sung cân đối	3.943.508.000	3.943.508.000	2.957.625.000	2.957.625.000	75,00	75,00			
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.030.492.000	1.030.492.000	1.282.846.000	1.282.846.000	124,49	124,49			





ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: đồng

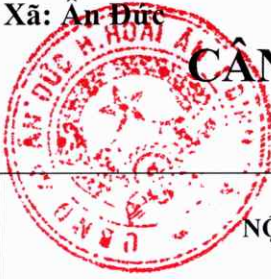
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)				
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A		1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.460.000.000		5.460.000.000	3.475.185.898	259.426.000	3.215.759.898	63,65		58,90
	Trong đó:									
	A/ Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	5.365.000.000		5.365.000.000	3.475.185.898	259.426.000	3.215.759.898	64,78		59,94
	I/ Chi đầu tư phát triển				259.426.000	259.426.000				
	- Chi đầu tư XDCB				259.426.000	259.426.000				
	- Đầu tư phát triển khác									
	II/ Chi thường xuyên	5.365.000.000		5.365.000.000	3.215.759.898		3.215.759.898	59,94		59,94
	1. Chi dân quân tự vệ	415.144.000		415.144.000	81.400.000		81.400.000	19,61		19,61
	1.1 Chi lương và các khoản đóng góp	315.144.000		315.144.000						
	1.2 Chi hoạt động	100.000.000		100.000.000	81.400.000		81.400.000	81,40		81,40
	2. Chi trật tự an toàn xã hội	157.340.000		157.340.000	88.010.000		88.010.000	55,94		55,94
	2.1 Chi lương và các khoản đóng góp	137.340.000		137.340.000	68.670.000		68.670.000	50,00		50,00
	2.2 Chi hoạt động	20.000.000		20.000.000	19.340.000		19.340.000	96,70		96,70
	3. Sự nghiệp y tế									
	4. Sự nghiệp văn hoá thông tin, PTTH	134.248.000		134.248.000	69.896.000		69.896.000	52,06		52,06
	4.1 Sự nghiệp văn hoá thông tin	100.000.000		100.000.000	65.036.000		65.036.000	65,04		65,04
	4.2 Sự nghiệp đài truyền thanh	34.248.000		34.248.000	4.860.000		4.860.000	14,19		14,19
	5. Sự nghiệp thể dục thể thao	10.000.000		10.000.000	85.780.000		85.780.000	857,80		857,80
	6. Sự nghiệp kinh tế	134.207.000		134.207.000	252.161.000		252.161.000	187,89		187,89
	- Sự nghiệp môi trường	115.000.000		115.000.000	54.600.000		54.600.000	47,48		47,48
	- Sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi - hải sản	4.207.000		4.207.000	197.561.000		197.561.000	4.696,01		4.696,01
	- Các sự nghiệp khác	15.000.000		15.000.000						
	7. Sự nghiệp xã hội	81.748.000		81.748.000	90.902.000		90.902.000	111,20		111,20
	- Hưu xã, thôi việc và trợ cấp khác	71.748.000		71.748.000	34.902.000		34.902.000	48,65		48,65
	- Chi xã hội khác	10.000.000		10.000.000	56.000.000		56.000.000	560,00		560,00
	8. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	4.412.313.000		4.412.313.000	2.547.610.898		2.547.610.898	57,74		57,74
	8.1. Quản lý Nhà nước	1.852.087.000		1.852.087.000	1.286.907.453		1.286.907.453	69,48		69,48

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	Vị Chi nộp trả ngân sách cấp trên	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024



Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.460.000.000	4.770.928.767	87,38
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	430.000.000	483.383.070	112,41
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	56.000.000	47.074.697	84,06
3	Thu bổ sung	4.974.000.000	4.240.471.000	85,25
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.943.508.000	2.957.625.000	75,00
	- Bổ sung có mục tiêu	1.030.492.000	1.282.846.000	124,49
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	5.460.000.000	3.475.185.898	63,65
1	Chi đầu tư phát triển		259.426.000	
2	Chi thường xuyên	5.365.000.000	3.215.759.898	59,94
3	Dự phòng	95.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phân trăm (%) cho xã.





